TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 24 tháng 8 năm 2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

1. Ông Phạm Hồng Thái.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị S vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn T vào ngày 26/6/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian. Đến năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính cách quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi

nhau. Đến tháng 02/2015 do mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Xét về tình cảm vợ chồng không còn, chị S làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quỳnh N, sinh ngày 03/11/2010. Hiện nay con chung đang ở với chị, sau khi ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2020, ông Phạm Hồng Th (là bố của anh Phạm Văn T) cung cấp như sau:

Anh Phạm Văn T đã biết việc chị S có đơn xin ly hôn anh, anh đã nhận được các giấy tờ của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập nhưng do bận công việc nên anh T không đến Tòa án làm việc được.

Về việc chị S xin ly hôn, anh T có ý kiến như sau: Anh T không đồng ý ly hôn vì vợ chồng mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn tình cảm với chị.

Về con chung: Anh T và chị S có 01 con chung là Phạm Quỳnh N, sinh ngày 03/11/2010. Anh T đề nghị giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng con chung là Phạm Quỳnh N, sinh ngày 03/11/2010. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với anh Phạm Văn T vào ngày 26/6/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn, chị S và anh T chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian. Đến năm 2011 mâu thuẫn phát sinh, do tính cách quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2015 cho đến nay anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung của vợ chồng đã thực sự tan vỡ. Nguyện vọng xin ly hôn của chị S là chính đáng có căn cứ được chấp nhận.

Quan điểm của anh T về việc không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ là không có cơ sở. Vì vợ chồng anh T mâu thuẫn đã căng thẳng, kéo dài, chị S bỏ về nhà mẹ đẻ ở đã 5 năm nhưng anh T không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh T không có mặt để trình bày quan điểm của mình về việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quỳnh N, sinh ngày 03/11/2010. Hiện nay cháu Phạm Quỳnh N đang ở với chị S, vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và ổn định việc học tập của con chung sau khi ly hôn, HĐXX xét thấy cần giao con chung là Phạm Quỳnh N cho chị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đúng với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Xét việc chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Anh chị, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng con chung là Phạm Quỳnh N, sinh ngày 03/11/2010. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị S nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 05119 ngày 06/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng